TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỚI LAI** THÀNH PHỐ CẦN THƠ ----------	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------

Bản án số: 37/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 24/5/2021
V/v tranh chấp: *"Ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI LAI – THÀNH PHỐ CẦN THƠ
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thanh Trúc

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1/ Ông Phan Thanh Dũng

2/ Ông Lý Hồng Hạnh

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông Nguyễn Phục Hưng, cán bộ Tòa án nhân dân huyện Thới Lai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Lai tham gia phiên tòa:* Ông Bùi Văn Lư – Kiểm sát viên (không tham gia)

Trong ngày 24 tháng 5 năm 2021, Tòa án nhân dân huyện Thới Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2021/TLST-HNGĐ ngày 26/01/2021 về tranh chấp *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 278/2021/QĐXX-ST ngày 13 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn*: Ông **Vũ Thanh L, sinh năm 1954

Địa chỉ: 423 Khu dân cư vượt lũ, ấp Định Mỹ, xã Định Môn, huyện Thới Lai, TP. Cần Thơ.

Bị đơn*: Bà **Võ Thị H, sinh năm 1953 (vắng mặt)

Địa chỉ: 349 ấp Định Mỹ, xã Định Môn, huyện Thới Lai, TP. Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn ông Vũ Thanh L trình bày:

Ông và bà H chung sống với nhau từ năm 1973, có đăng ký kết hôn theo luật định. Vì phải đi làm xa nhà nên bà H đã không tin tưởng ông, thường xuyên

ghen tuông vô cớ dẫn đến cãi vả, không hạnh phúc nên ông và bà H đã sống ly thân từ năm 2000 cho đến nay. Thời gian ly thân quá dài nhưng vẫn không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn nên ông yêu cầu ly hôn với bà Võ Thị H.

- Về con chung: Ông và bà H có 04 con chung gồm chị Vũ Thị Thanh Đ, sinh năm 1974, chị Vũ Thị Thanh M, sinh năm 1979, chị Vũ Thị Thanh X, sinh năm 1981 và anh Vũ Thanh T, sinh năm 1984, con chung đã thành niên, có vợ có chồng, tự lao động kiếm sống nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: đã thỏa thuận chia xong.

- Về nợ chung: Không có.

Bị đơn bà Võ Thị H trình bày:

Bà và ông L tự tìm hiểu yêu thương và tiến đến hôn nhân năm 1973, đăng ký kết hôn tại Quận 2, Sài Gòn. Do ông L có mối quan hệ ngoài hôn nhân nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bà và ông L đã sống ly thân hơn 20 năm nay. Tình cảm vợ chồng không còn và bà đồng ý ly hôn.

- Về con chung: bà và ông L có 04 con chung gồm chị Vũ Thị Thanh Đ, sinh năm 1974, chị Vũ Thị Thanh M, sinh năm 1979, chị Vũ Thị Thanh X, sinh năm 1981 và anh Vũ Thanh T, sinh năm 1984, con chung đã thành niên, có vợ có chồng, tự lao động kiếm sống nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: đã thỏa thuận chia xong.

- Về nợ chung: Không có.

Tại phiên toà sơ thẩm:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu. Bị đơn đề nghị tòa giải quyết vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: bà Võ Thị H có yêu cầu giải quyết vắng mặt nên theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Thới Lai xét xử vắng mặt bà H.

[2] Về hôn nhân: ông Vũ Thanh L và bà Võ Thị H sống chung với nhau từ năm 1973, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp

pháp. Theo lời trình bày của hai bên, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng mất niềm tin lẫn nhau, bất đồng quan điểm sống, cuộc sống vợ chồng không còn tiếng nói chung, từ đó dẫn đến thường xuyên cải vã, ông H và bà L đã sống ly thân hơn 20 năm, tình cảm vợ chồng không còn nên hai bên đều thống nhất ly hôn. Xét thấy, ông L và bà H đã lựa chọn giải pháp sống ly thân từ năm 1997, tự thỏa thuận chia tài sản chung, trong suốt thời gian dài, ông bà không thể hàn gắn hôn nhân, cả hai không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên yêu cầu được ly hôn của ông L là có căn cứ để xem xét chấp nhận.

[3] Về con chung: bà H và ông L có 04 con chung gồm chị Vũ Thị Thanh Đ, sinh năm 1974, chị Vũ Thị Thanh M, sinh năm 1979, chị Vũ Thị Thanh X, sinh năm 1981 và anh Vũ Thanh T, sinh năm 1984, các anh chị đã thành niên nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung: đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết

[5] Về nợ chung: không có.

[6] Về án phí: Do nguyên đơn thuộc diện người cao tuổi nên được miễn nộp án phí theo Điều 12 Nghị quyết 326 về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, 39, 147, 227, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 12 Nghị quyết 326 về án phí, lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho ông Vũ Thanh L được ly hôn với bà Võ Thị H.

- Về con chung: đã trưởng thành nên không xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung: đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết

- Về nợ chung: không có.

- Về án phí: Ông Vũ Thanh L được miễn nộp án phí hôn nhân sơ thẩm theo Điều 12 Nghị quyết 326 về án phí, lệ phí Tòa án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND TPCT;
- VKS huyện;
- THA huyện;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

Lê Thanh Trúc